

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

1.1. Nhận dạng hóa chất

Tên sản phẩm	: sec-Butyl Acetate
Tên gọi khác	: Acetic acid sec-Butyl Ester, 2-Butoxy Ester, 1-Methylpropyl
Công thức hóa học	: C ₆ H ₁₂ O ₂
Số CAS	: 105-46-4
Số EINECS	: 203-300-1

1.2. Nhận dạng Công ty

Nhà nhà cung cấp/nhập khẩu	: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ
Địa chỉ	: Lô CN5.2Q, Khu hóa chất hóa dầu, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	: 0225.883.2929
Fax	: 0225.883.2929
Email	: haiha@haihachem.com
Website	: http://haihachem.com/

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ ĐỘC HẠI

2.1. Phân loại theo hệ thống GHS

Phân loại	Chất lỏng dễ cháy	Danh mục 2
	Độc tính cấp tính – Đường miệng	Danh mục 5
	Ăn mòn/kích ứng da	Danh mục 3
	Tổn thương mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng	Danh mục 2A-2B
	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Hệ thần kinh trung ương)	Danh mục 2
	(Buồn ngủ và chóng mặt)	Danh mục 3

Biểu tượng nhãn GHS**2.2. Cảnh báo nguy hiểm****Lời cảnh báo**

Nguy hiểm

Các cảnh báo nguy hiểm

Nguy hại vật lý

H225: Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao

Nguy hại sức khỏe

H303: Có thể gây nguy hiểm nếu nuốt phải

H316: Gây kích ứng da nhẹ

H320: Gây kích ứng mắt

H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp

H371: Có thể gây tổn thương hệ thần kinh trung ương

H336: Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt

Nguy hại môi trường

Không được phân loại là nguy hại môi trường theo tiêu chí của GHS

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

P210: Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc

P233: Đóng kín thùng

P240: Phải nối dây liên kết, dây dẫn tiếp đất với thùng chứa và các vật tư tiếp nhận.

P241: Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ

P242: Chỉ sử dụng các thiết bị không tạo tia lửa

P243: Có biện pháp phòng ngừa sự phóng tĩnh điện

P260: Không hít phải sương, hơi, bụi nước phun

P264: Rửa tay kỹ càng sau khi xử lý hóa chất.

P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P280: Đeo găng tay bảo hộ/mặc quần áo bảo hộ/đeo kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ

P273: Tránh để thoát ra ngoài môi trường

Biện pháp ứng phó

P303+P361+P353: Nếu dính trên da, hoặc tóc: tháo/cởi bỏ ngay lập tức toàn bộ quần áo bị dính phải. Rửa sạch da bằng vòi nước/vòi hoa sen

P370+P378: Trong trường hợp bị cháy: sử dụng phương tiện thích hợp để dập tắt

P332+P313: Nếu xảy ra kích ứng da: nhận tư vấn/chăm sóc y tế

P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ.

Nơi cất giữ	P337+P313: Nếu vẫn còn kích ứng mắt: tìm đến tư vấn/chăm sóc y tế P403+P233: Cất giữ ở nơi thông gió. Đóng thùng chứa cẩn thận. P405: Nơi cất giữ phải được khóa lại
Thải bỏ	P501: Vứt bỏ các thành phần và thùng chứa tới nơi chôn lấp chất thải phù hợp với quy định của địa phương và quốc gia

3. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Nhóm nguy hại	Cảnh báo nguy hiểm	Hàm lượng
sec-Butyl acetate	105-46-4	Flam. Liq. 2, Act.Oral 5, Skin irrit. 3, Eye irrit. 2A-2B, STOT SE. 2/3	H225, H303, H316, H320, H371, H335, H336	>99%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- 4.1. Sau khi hít phải** Chuyển nạn nhân sang nơi có không khí trong lành. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.
- 4.2. Sau khi tiếp xúc với da** Loại bỏ quần áo bị nhiễm độc. Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, sau đó rửa bằng xà phòng với nước nếu có sẵn. Nếu đỏ, sưng, đau và/hoặc xuất hiện mụn, chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.
- 4.3. Sau khi tiếp xúc với mắt** Ngay lập tức rửa sạch mắt với nhiều nước. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất điều trị thêm.
- 4.4. Sau khi nuốt phải** Nếu nuốt phải, đừng gây nôn: chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Nếu bất kỳ dấu hiệu và triệu chứng chậm trễ nào sau đây xảy ra trong vòng 6 tiếng tới, chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế gần nhất: sốt hơn 101° F (38.3° C), khó thở, tắc nghẽn ngực hoặc ho liên tiếp hoặc thở khò khè. Nếu xảy ra nôn một cách tự nhiên, giữ đầu dưới hông để ngăn tràn vào lại. Không ăn uống gì. Không gây ói mửa.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- 5.1. Nguy hại cụ thể** Trong điều kiện cháy không hết, các khí độc hại được tạo ra có thể gồm CO, CO₂, khí đốt của hóa chất hữu cơ về nguyên tắc phải được phân loại là chất độc nhiễm qua đường thở. Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan tỏa khắp sàn nhà.

5.2. Phương tiện chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp Bột, bột khô hóa chất, CO₂, cát hoặc đất chỉ có thể dùng cho đám cháy nhỏ. Không xả nước chữa cháy vào khu vực thủy sinh.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp Tia nước mạnh.

5.3. Thiết bị bảo hộ cho lính cứu hỏa

Mặc quần áo bảo hộ và thiết bị dưỡng khí đầy đủ.

5.4. Lời khuyên khác

Nước chảy ra có thể gây ảnh hưởng tới môi trường. Sau khi dùng nước dập cháy xong, đào rãnh hoặc đắp bờ quai ngăn nước đó lại xử lý tránh ảnh hưởng tới môi trường.

6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TAI NẠN

Lưu ý: Tuân theo các quy định liên quan của địa phương và quốc tế.

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân và thiết bị bảo vệ

Tránh tiếp xúc với hóa chất bị đổ hoặc tràn ra. Cởi bỏ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Để được hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Để được hướng dẫn thải bỏ hóa chất bị đổ, xem chương 13 của tài liệu này.

6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường

Bịt kín các lỗ rò rỉ nếu có thể mà không gây rủi ro cho cá nhân. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy ở khu vực xung quanh. Dùng các công cụ ngăn chặn thích hợp (thiết bị và nước cứu hỏa) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn lan tỏa hoặc xâm nhập vào cống, mương hoặc sông bằng cách dùng cát, đất hoặc các vật ngăn chặn thích hợp khác. Ví dụ, cố gắng phân tán hơi hoặc hướng đi của nó tới nơi an toàn bằng cách xịt sương. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị.

6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và dọn dẹp

Đối với sự cố tràn chất lỏng nhiều (hơn 1 thùng phuy), sử dụng phương tiện cơ học như xe hút chân không hút vào bể chứa để thu hồi hoặc xử lý an toàn. Không rửa trôi phần cặn bã bằng nước, để nguyên nó như phần thải ô nhiễm. Cho phép phần cặn bay hơi hoặc ngâm nó với một chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Với sự cố tràn chất lỏng ít (nhỏ hơn 1 thùng phuy), dùng phương tiện cơ học chuyển sang thùng chứa dán nhãn, niêm phong để thu hồi hoặc thải bỏ an toàn. Cho phép phần cặn còn lại bay hơi hoặc ngâm nó với chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Lấy phần đất ô nhiễm và thải bỏ an toàn.

6.4. Tư vấn bổ sung

Thông báo cho chính quyền nếu xảy ra bất kỳ xâm nhiễm nào ra công cộng hoặc môi trường. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ với không khí.

7. LƯU Ý VỀ THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

7.1. Lưu ý về thao tác

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn Tránh hít phải hơi hoặc tiếp xúc với hóa chất. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió. Rửa kỹ càng sau khi xử lý. Về việc hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này.

Thận trọng trong việc xử lý Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các tác nhân gây cháy. Tránh tia lửa. Điện tĩnh có thể tạo ra trong quá trình bơm. Điện tĩnh có thể tạo ra lửa. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra sự phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng hai lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả hoặc tiến hành các xử lý. Hơi này nặng hơn không khí, lan tỏa trên mặt đất và có thể bắt lửa từ xa. Việc mở và xử lý thùng chứa phải thận trọng trong một khu vực thông gió tốt. Khu vực làm việc phải được thông gió sao cho nồng độ hóa chất không vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Không được đổ xuống cống rãnh.

7.2. Lưu ý về lưu trữ

Các điều kiện lưu trữ an toàn Các bể chứa khối lượng lớn nên được đặt trong khu vực thông gió tốt và phải bao đê xung quanh, tránh xa ánh nắng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các chất dễ cháy, các chất oxy hóa, chất ăn mòn và các sản phẩm dễ cháy khác mà không gây hại hoặc nhiễm độc cho con người và môi trường. Nhiệt độ lưu trữ: môi trường xung quanh.

Lưu ý khi vận chuyển hóa chất Sự phóng tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng 2 lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả, hoặc xử lý các hoạt động.

Vật liệu khuyến dùng Đối với các thùng chứa, hoặc vật liệu lót thùng chứa, dùng thép nhẹ, thép không gỉ. Đối với sơn thùng chứa, sử dụng sơn epoxy, sơn silicat zinc.

Vật liệu không phù hợp Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su nitrile.

Lời khuyên về thùng chứa Các thùng chứa, ngay cả các thùng trống, có thể chứa hơi gây nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên hoặc gần các thùng chứa.

7.3. Lưu ý khác

Đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định địa phương liên quan đến thao tác xử lý và các thiết bị lưu trữ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1. Thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Chất	Nguồn	Kiểu	ppm	mg/m ³	Ký hiệu
S-Butyl acetate	ACGIH	TWA	200		
	OHSA	TWA	200	950	
	NIOHS	TWA	200	950	

8.2. Các kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Việc sử dụng thông gió toàn bộ hay thông gió pha loãng thường không đảm bảo. Thông gió cục bộ được ưu tiên hơn. Nên sử dụng thiết bị chống cháy nổ (như quạt, công tắc và ống dẫn nối đất) trong hệ thống thông gió cơ học.

Thiết bị bảo vệ cá nhân

Lời khuyên chung

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hít phải hơi hoặc sương phun ra. Chỉ xử lý trong khu vực được trang bị vòi hoa sen an toàn. Vòi nước rửa mắt phải luôn sẵn sàng.

Các biện pháp vệ sinh

Khi làm việc không được ăn, uống hoặc hút thuốc. Cởi bỏ toàn bộ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Rửa tay ngay trước khi nghỉ và sau khi xử lý sản phẩm.

Bảo vệ hô hấp

Nếu có hóa chất hoặc hơi bay ra, bắt buộc phải bảo vệ đường hô hấp.

Bảo vệ tay

Đeo găng tay chống hóa chất (cao su butyl) hoặc tham khảo ý kiến của nhà sản xuất găng tay..

Bảo vệ mắt

Dùng kính bảo hộ an toàn. Ngoài kính bảo hộ, đeo thêm mặt nạ nếu có nguy cơ bị bắn vào mặt. Các thiết bị phải phù hợp với EN 166.

Bảo vệ da

Dùng quần áo không thấm nước.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Cảm quan

Chất lỏng không màu

Mùi

Trái cây

Ngưỡng mùi

Không có dữ liệu

pH

Không áp dụng

Điểm sôi

112 °C

Điểm nóng chảy/đóng băng	-98.4 °C
Điểm chớp cháy	18 °C
Giới hạn nổ/cháy trong không khí	1.7 – 9.8 %(V)
Nhiệt độ tự bốc cháy	410 °C
Áp suất hơi	3.2 kPa at 25 °C
Trọng lượng riêng	870 kg/m ³ tại 20 °C (ASTM D-1298)
Độ hòa tan trong nước	6.2 g/L tại 20 °C
Hệ số phân tán n-octanol/nước (log Pow)	1.72
Nhiệt độ phân hủy	Lưu ý: Ổn định trong điều kiện sử dụng bình thường.
Mật độ hơi (không khí = 1)	4.0
Tốc độ bay hơi (nBuAc=1)	1.8 (ASTM D 3539, nBuAc=1)
Trọng lượng phân tử	116.16 g/mol

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

- 10.1. Độ ổn định hóa học** Ổn định dưới điều kiện xử lý, sử dụng và vận chuyển bình thường. Không phân hủy nếu sử dụng theo chỉ dẫn. Nếu đun nóng tới nhiệt độ phân hủy, có thể phân hủy ra oxit carbon tùy thuộc vào các điều kiện.
- 10.2. Điều kiện cần tránh** Tránh bất cứ nguồn gây lửa nào. Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và tĩnh điện.
- 10.3. Chất không tương thích** Tránh xa: peroxit, tác nhân oxy hóa, axit mạnh, amin.
- 10.4. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm** Phân hủy nhiệt phụ thuộc nhiều vào điều kiện. Một hỗn hợp phức tạp gồm các chất rắn, chất lỏng và khí trong không khí, bao gồm CO, CO₂ và các hợp chất hữu cơ khác sẽ được tạo ra khi chất này trải qua quá trình đốt cháy hoặc bốc nhiệt hoặc oxy hóa.
- 10.5. Khả năng phản ứng nguy hiểm** Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về tác động độc hại

- Cơ sở đánh giá Thông tin được đưa ra dựa trên việc thí nghiệm sản phẩm, và/hoặc các chất tương tự, và/hoặc các thành phần tương tự.
- Các cách lây nhiễm Phơi nhiễm có thể xảy ra qua đường hô hấp, ăn uống, qua da, mắt hoặc vô tình nuốt phải.

11.2. Ngộ độc cấp tính

Ngộ độc cấp tính bằng đường miệng	LD50: 3200 mg/kg, trên chuột
Ngộ độc cấp tính qua da	Dữ liệu không có sẵn
Ngộ độc cấp tính khi hít phải	LC50 : 4290 - 24000ppm, DFGOTvol.19 (2003)
11.3. Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da (HSDB, 2005)
11.4. Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Nghiên cứu trên thỏ (HSDB 2005): cho hơi và chất lỏng gây kích thích một mắt, và sự cản trở hồi phục ở mức 5 (cao nhất là mức 10) (HSDB 2005). Vì vậy, nó đã được đặt thành danh mục 2A-2B. Vì chưa biết về thời gian phục hồi, nên chưa phân loại được.
11.5. Mẫn cảm với da	Dữ liệu không có sẵn.
11.6. Gây đột biến tế bào mầm	Không gây đột biến.
11.7. Gây ung thư	Không được phân loại là chất gây ung thư (ACGIH, IARC, NTP).
11.8. Độc tính cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn.	Danh mục 3 (kích ứng hô hấp) dựa trên mô tả rằng có kích ứng hô hấp như hơi (HSDB (2005)), Danh mục 3 (gây mê) dựa trên mô tả về hành động gây mê (ACGIH (2001)) và được phân loại thành Danh mục 2 (thần kinh trung ương) dựa trên mô tả về ảnh hưởng của việc tiếp xúc với hơi tới hệ thần kinh trung ương dẫn đến chóng mặt, bất tỉnh (HSDB (2005), ICSC (2003)).
11.9. Độc tính cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại.	Không đủ dữ liệu.
11.10. Thông tin thêm	Phơi nhiễm với nồng độ rất cao các chất giống nhau có thể gây ra nhịp tim không đều và ngừng tim.
11.11. Nguy hại hô hấp	Dữ liệu không có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1. Độc tính sinh thái	Việc sản xuất và sử dụng sec-Butyl acetate có thể dẫn đến việc thải ra môi trường thông qua các dòng chất thải khác nhau. <i>Tetrahymena thermophila</i> (48h) EC50: 234 316 mg/L.
12.2. Phân hủy sinh học	Mặc dù không có nghiên cứu phân hủy sinh học nào được thực hiện trên sec-butyl acetate, nhưng các nghiên cứu về các hợp chất có cấu trúc tương đã chỉ ra rằng, các Alkyl acetate có khả năng phân hủy sinh học.
12.3. Tính phân hủy	Dựa trên áp suất hơi 17 mm Hg ở 20 độ C, secbutyl acetate được cho là sẽ tồn tại dưới dạng hơi trong môi trường xung quanh. Sec-butyl acetate pha hơi bị biến chất trong khí quyển do phản ứng với các gốc hydroxyl được tạo ra bằng

phương pháp quang hóa với chu kỳ bán rã trong khí quyển trong khoảng 70 giờ. Trong nước, sec-butyl acetate được cho là không hấp phụ vào trầm tích hoặc vật chất hạt do giá trị Koc ước tính của nó. Hợp chất này dự kiến sẽ bay hơi từ các bề mặt nước do hằng số Định luật Henry của nó. Chu kỳ bán rã bay hơi ước tính cho một con sông và hồ lần lượt là 5 và 119 giờ. Quá trình thủy phân dự kiến sẽ xảy ra chậm dựa trên thời gian bán hủy thủy phân 12,6 năm, 1,26 năm và 46 ngày tại pH 7 và 8 và 9 tương ứng.

- 12.4. Tính phân hủy** Khả năng tích tụ sinh học ở sinh vật dưới nước được coi là thấp dựa trên giá trị BCF ước tính là 10.
- 12.5. Khả năng tích tụ sinh học** Không tích lũy sinh học đáng kể.
- 12.6. Tính lưu động trong đất** sec-Butyl acetate được cho là có khả năng linh động vừa phải trong dầu dựa trên giá trị Koc ước tính là 200. Sự hòa tan từ bề mặt đất khô dự kiến sẽ dựa trên áp suất hơi của hợp chất này. Sự bay hơi từ các bề mặt đất ẩm cũng được dự kiến dựa trên các hằng số định thời của Định luật Henry là $4,2 \times 10^{-4}$ atmcm/mol.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

- 13.1. Loại bỏ chất thải** Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Trách nhiệm của người xử lý chất thải là xác định độc tính và tính chất vật lý của chất thải được tạo ra để xác định phương pháp phân loại và phương pháp thải bỏ phù hợp theo quy định hiện hành.
- 13.2. Loại bỏ thùng chứa** Xả hết thùng chứa. Sau khi xả, thông hơi ở một nơi an toàn cách xa lửa. Phần cặn bã có thể gây ra nguy hại cháy nổ. Không đâm, cắt, hoặc hàn các thùng phuy chứa được làm sạch. Chuyển đến nơi thu hồi thùng phuy hoặc thu hồi kim loại.
- 13.3. Luật pháp địa phương** Việc xử lý chất thải phải phù hợp với luật và quy định áp dụng cho khu vực, quốc gia, và địa phương.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1. Vận tải trên mặt đất (ADR)

Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: III
Số nhận dạng nguy hại	: 33
Số UN	: UN 1123
Nhãn cảnh báo (rủi ro chính)	: 3
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Nguy hiểm cho môi trường	: Không

14.2. Vận tải hàng nguy hiểm đường biển (IMDG)

Số nhận dạng	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: II
Chất gây ô nhiễm biển	: Không

14.3. Vận tải hàng không (IATA) (Các quốc gia khác nhau có thể áp dụng)

Số UN	: 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: II

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT**15.1. Tình trạng khai báo, đăng ký danh sách hóa chất của các quốc gia**

AICS	Đã liệt kê
DSL	Đã liệt kê
INV (CN)	Đã liệt kê
ENCS (JP)	Đã liệt kê
TSCA	Đã liệt kê
EINECS	Đã liệt kê 203-300-1
KECL (KR)	Đã liệt kê
PICCS (PH)	Đã liệt kê

15.2. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 5507:200
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

16. THÔNG TIN KHÁC**16.1. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS**

H225	: Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao
H303	: Có thể gây nguy hiểm nếu nuốt phải
H316	: Gây kích ứng da nhẹ
H320	: Gây kích ứng mắt
H335	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H371	: Có thể gây tổn thương hệ thần kinh trung ương

H336

: Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt

16.2. Cảnh báo nguy hiểm theo HMIS (Hoa Kỳ)

SỨC KHỎE	1
ĐỀ CHÁY	3
PHẢN ỨNG	0
BẢO VỆ CÁ NHÂN	H

(Mức bảo vệ cá nhân H bao gồm: Kính chống bắn tóe, găng tay, tạp dề bảo hộ, mặt nạ phòng độc)

16.3. Lưu ý cho người đọc

: Thông tin trong tài liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi nhằm để sử dụng cho mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Hóa chất trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo điều kiện sử dụng và tiếp xúc.